TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2023/DS-PT
Ngày 11 - 4 - 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và xem xét tính hợp pháp của quyết định cá biệt

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Thẩm phán: Ông Hồ Sỹ Hưng và ông Nguyễn Mạnh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Trần Thị Minh Ngọc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang. Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2022, về việc "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất và xem xét tính hợp pháp của quyết định cá biệt".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2882/2023/QĐPT-HC ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **ĐNC**; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Ông **PĐK**; địa chỉ: Thôn 2, xã L, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Giấy ủy quyền ngày 21/02/2023). (vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **NSB** và bà **LTT**; cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. (có mặt)

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

3.2. Bà **ĐTH**; địa chỉ: thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. (có mặt)

3.3. Bà **ĐTH1**; địa chỉ: thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. (có mặt)

3.4. **ĐTL**; địa chỉ: thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. (có mặt)

3.5. Ông **NPH2**; địa chỉ: huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. (có mặt)

3.6. Ông **NPL1**; địa chỉ: huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. (có mặt)

3.7. Bà **NTT1**; địa chỉ: huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. (có mặt)

3.8. Bà **NTT2**; địa chỉ: thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn ông ĐNC trình bày:

Năm 1992, theo Nghị định khoán 10 gia đình bố đẻ ông là **ĐVT3** được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số B844264 ngày 12/10/1992 đứng tên ĐVT3 thuộc tờ bản đồ số 21, được sử dụng ổn định lâu dài với tổng diện tích các thửa đất là 15.455m^2, bao gồm: Thửa 37 (400m^2 đất thổ cư), thửa 38 (2.200m^2 đất màu), thửa 29 (490m^2 đất trồng lúa), thửa 25 (150m^2 đất trồng lúa), thửa 34 (395m^2 đất trồng lúa), thửa 33 (70m^2 đất trồng lúa), thửa 27 (210m^2 đất trồng lúa), thửa 26 (100m^2 đất trồng lúa), thửa 05 (1.150m^2 đất trồng lúa), thửa 08 (160m^2 đất trồng lúa), thửa 09 (300m^2 đất trồng lúa), thửa 189 (480m^2 đất trồng lúa), thửa 36 (9.000m^2 đất vườn rừng) nằm trong tờ bản đồ 21, địa chỉ đất thuộc thôn H, xã T, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

Trong số các thửa đất được cấp có thửa số 38 diện tích 2.200m^2. Khi bố ông còn sống đã cho gia đình ông **NĐN** (là bố của ông **NVH3**, NSB) mượn một phần đất ở để trồng hoa màu, thửa đất này giáp với thửa đất số 39 của ông H3 cũng được cấp GCNQSDĐ năm 1992. Do thời gian mượn đã lâu và chỉ có sự thỏa thuận bằng miệng nhưng mọi việc vẫn diễn ra bình thường. Từ năm 2010, đến nay do có nhu cầu sử dụng, gia đình ông đã đặt vấn đề để gia đình lấy đất đã cho mượn nhưng gia đình ông NSB lại cho rằng thửa đất gia đình ông cho mượn trước đây thuộc quyền quản lý của gia đình ông B, gia đình ông đã trao đổi với gia đình ông B nhiều lần và có làm việc với UBND xã T nhưng sự việc vẫn chưa được giải quyết. Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc gia đình ông NSB, bà LTT trả lại cho gia đình ông một phần của thửa đất số 38, thuộc tờ bản đồ số 21, diện tích là 758,5m^2 tại thôn H, xã T, huyện Vị Xuyên, tình Hà Giang.

Tại Bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn ông NSB trình bày:

Năm 1965, gia đình ông cùng 08 gia đình ở xã Tam Hiệp, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây (cũ) lên xây dựng kinh tế mới (đi khai hoang), định cư tại thôn H, xã T. Trong số 08 gia đình nêu trên không có gia đình ĐVT3 tức là bố đẻ ông ĐNC (lên khai hoang sau). Hộ của ông NĐN là bố đẻ ông được Hợp tác xã (viết tắt là HTX) giao đất cho để ở và canh tác tại thôn H, xã T. Lô đất của ông ranh giới phía Bắc giáp với rãnh nước chảy từ bên núi đá qua đường quốc lộ và đổ xuống sông Miện. Gia đình ông đã bỏ nhiều công sức để cải tạo và canh tác liên

tục trên mảnh đất này từ năm 1965 đến nay. Thời điểm đó lô đất phía bên kia mương nước là đất gia đình ông C đang ở còn là bãi đất hoang dùng để chăn thả gia súc. Năm 1967, gia đình ông T3 (bố ông C) quê ở Vĩnh Phúc di cư tự do lên Hà Giang xin vào HTX, được HTX chấp thuận và giao cho gia đình ông T3 lô đất phía bên kia mương nước giáp ranh với đất của ông. Trong suốt quá trình đó hai bên vẫn canh tác bình thường, ranh giới giữa hai bên là mương nước. Hai bên gia đình không có tranh chấp gì về đất đai. Năm 2010, khi gia đình ông làm thủ tục đề nghị xin cấp GCNQSDĐ cho lô đất đó thì mới biết lô đất này đã được hợp lý hóa trên bìa đỏ của gia đình ông ĐNC, gia đình ông đã có đơn gửi đến UBND huyện Vị Xuyên và Phòng Tài nguyên và Môi trường (viết tắt là TN&MT) huyện Vị Xuyên đề nghị giải quyết, UBND huyện Vị Xuyên đã có giấy mời gia đình ông C lên để giải quyết nhưng gia đình ông C không hợp tác. Ông C cho rằng bố ông C cho bố ông mượn đất là không đúng, không có căn cứ, đề nghị ông cung cấp chứng cứ chứng minh là bố ông mượn đất của gia đình ông C. Ông yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ số B 844264 do UBND huyện Vị Xuyên cấp ngày 12/10/1992 mang tên ĐVT3, diện tích 708m^2, thửa đất số 38, tờ bản đồ số 21.

Tại Bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn bà LTT trình bày:

Bà đồng ý, thống nhất với lời khai của ông NSB và đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ĐNC.

Tại văn bản số 299 ngày 26/02/2021 và quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện Vị Xuyên và người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Vị Xuyên có ý kiến:

Đối với vụ việc tranh chấp đất đai giữa ông ĐNC và ông NSB, UBND huyện Vị Xuyên đã thụ lý giải quyết và ban hành Kết luận số 871/KL-UBND ngày 23/12/2013 (viết tắt là Kết luận số 871) nhận xét và kết luận: Căn cứ quy định của pháp luật. Khi giải quyết tranh chấp đất đai cần xem xét đến quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất trên nguyên tắc luật định: Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu; Nhà nước thực hiện quyền định đoạt đối với đất đai; Nhà nước trao quyền sử dụng đất đai cho người sử dụng thông qua hình thức giao đất, cho thuê đất; công nhận quyền sử dụng đất với người đang sử dụng đất ổn định; quy định quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất. Tôn trọng sự thật khách quan, tôn trọng giá trị văn hóa truyền thống và các chuẩn mực đạo đức xã hội, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo đảm quản lý đất đai có hiệu lực, hiệu quả và tiết kiệm. Chấp nhận hiện trạng nguồn gốc, quá trình sử dụng đất ổn định từ năm 1965 và sau khi gia đình ĐVT3 bố đẻ ông ĐNC đã được cấp GCNQSDĐ năm 1992 đến năm 2010 không có tranh chấp. Việc lập bản đồ có nhiều sai sót từ việc kê khai của các hộ sử dụng đất chưa đầy đủ, thiếu kiểm tra xác minh của cơ quan chuyên môn nên việc lập, đo vẽ bản đồ thủ công chưa đúng với ranh giới hình thể, diện tích cho từng thửa đất. Vì vậy đối chiếu với bản đồ và thực địa không khớp nhau

cả hình thể, độ chênh, thế đất … Việc sai sót trên không sao tránh khỏi và thực tế đã diễn ra ở nhiều nơi và cụ thể trong trường hợp xảy ra tranh chấp nói trên. Diện tích trên thửa 38 là 4.050m^2/2.200m^2 tăng so với diện tích trong GCNQSDĐ của ĐVT3 là 1.850m^2. Thực tế ông ĐNC đang sử dụng là 3.342m^2 nhiều hơn so với diện tích trong GCNQSDĐ số 00197 QSDĐ/178-UB/QĐ ngày 12/10/1992 của ĐVT3 (bố ông ĐNC) là 1.142m^2.

Kết luận: " *2.1. Công nhận quyền sử dụng đất với người đang sử dụng đất ổn định của gia đình ông NSB với diện tích 708m^2 (nguồn gốc đất của gia đình do bố ông là NĐN khai phá từ năm 1965) sử dụng ổn định từ đó đến năm 2010 không có tranh chấp; 2.2. Giao Phòng TN&MT huyện Vị Xuyên yêu cầu hộ ông NSB lập các thủ tục theo quy định để được xem xét cấp GCNQSDĐ theo khoản 3 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, khoản 2 Điều 48 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003 và quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 84/2007 ngày 25/5/2007; yêu cầu hộ ông ĐNC lập các thủ tục theo quy định để điều chỉnh tên người sử dụng đất trên GCNQSDĐ vì ông T3 đã chết theo quy tại Điều 151 Nghị định 181/2004/NĐ-CP. Gia đình ông C có trách nhiệm kê khai phần diện tích đất tăng thêm mà gia đình ông đang sử dụng tại thửa 38 mà thực tế ông đang quản lý từ năm 1992 đến nay là 1.142m^2 (diện tích đất ông đang sử dụng 3.342m^2 trừ đi diện tích đã cấp trong GCNQSD đất của ông T3 là 2.200m^2)".*

Tuy nhiên đến nay ông ĐNC không thực hiện đăng ký biến động đất đai theo quy định, chưa đăng ký chỉnh lý GCNQSDĐ đã cấp nên cơ quan chuyên môn chưa thực hiện được việc cấp GCNQSDĐ cho ông NSB phần diện tích đất 708m^2 (phần diện tích đất này nằm trên một phần thửa số 38, tờ bản đồ số 21 đã cấp GCNQSDĐ cho ĐVT3). Quan điểm, UBND huyện Vị Xuyên đề nghị Tòa án tuyên hủy phần diện tích đất 708m^2 nằm trên một phần số 38, tờ bản đồ số 21 đã cấp GCNQSDĐ cho ĐVT3.

Tại Bản tự khai ngày 20/5/2021, ngày 21/5/2021 và quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ĐTL, bà ĐTH và bà ĐTH1 cùng thống nhất nội dung trình bày:

Các bà L, H và H1 là em gái của ông ĐNC. Bố mẹ các bà là cụ ĐVT3 (đã chết năm 2005) và cụ bà LTV (đã chết năm 1994), bố mẹ bà có 05 người con gồm: Ông ĐNC, bà ĐTH, bà ĐTH1, ĐTL và ông ĐVH5 (đã mất năm 1977).

Bố mẹ các bà quê ở Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc lên Hà Giang định cư và khai phá đất tại thôn H từ năm 1965, đến năm 1995 được UBND huyện Vị Xuyên cấp GCNQSDĐ số B 844264 ngày 12/10/1992. Trong GCNQSDĐ của ĐVT3 được cấp 15 thửa đất tại tờ bản đồ số 21 với thời hạn sử dụng lâu dài, trong số các thửa đất được cấp có thửa 38 diện tích là 2.200m2. Khi ông T3 còn sống đã cho gia đình ông NĐN (là bố của anh NVH3) mượn một phần đất ở thửa đất số 38 để trồng hoa màu, thửa đất này giáp với thửa đất số 39 mang tên ông NVH3 cũng được cấp giấy chứng nhận năm 1992. Do thời gian cho mượn đã lâu và chỉ

là sự thỏa thuận bằng lời nói của những người hàng xóm với nhau nên mọi việc vẫn bình thường. Nhưng từ năm 2010 đến nay do nhu cầu của gia đình, gia đình các bà đã đặt vấn đề để gia đình các bà sử dụng phần đất đã cho mượn, nhưng ông NSB (hiện đang sinh sống trên đất nhà anh NVH3) lại cho rằng thửa đất gia đình các bà cho mượn thuộc quyền quản lý của gia đình ông B nên hai bên có tranh chấp. Các bà đã ủy quyền cho ông ĐNC đứng đơn khởi kiện để đòi lại phần đất của gia đình đã được UBND huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang cấp GCNQSDĐ từ năm 1992.

Đối với phía gia đình ông B, theo các bà được biết khi còn nhỏ ông B cùng sống với bố mẹ là ông NĐN. Sau đó ông N chia đất cho các con như thế nào thì các bà không biết rõ nhưng các bà biết khi làm sổ đỏ năm 1992 thửa đất giáp thửa 39 (giáp thửa 38 của gia đình các bà) mang tên NVH3 là đất thổ cư có diện tích 400m2. Sau đó gia đình ông H3 có chuyển nhượng lại cho anh Nguyễn Văn Tuất từ năm 1994, việc ông B nhận đất trên như thế nào thì các bà không biết. Về thủ tục để ông B có quyền sử dụng đất trong thời gian nào và cơ quan nào cấp, có cấp đúng không cần phải làm rõ. Nếu cấp sai thì phải xử lý theo quy định của pháp luật và trả lại đất, các bà đều nhất trí với nội dung và yêu cầu khởi kiện của ông ĐNC.

Tại Bản tự khai và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NTT1 và bà NTT2 trình bày:

Bà T1 là chị gái thứ 2, bà T2 là em gái thứ 4 của ông B và là hàng xóm cũ của nhà ông C. Từ khi sinh ra, gia đình các bà gồm bố mẹ và 05 anh em ở tại thôn Bắc Cát (nay là thôn T), xã T, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, đến năm 1986 Bà T1 lấy chồng và chuyển đến sinh sống tại nhà chồng ở thôn Minh Thành, xã Trung Thành, huyện Vị Xuyên. Năm 1992, bà T2 lấy chồng và chuyển đến sinh sống tại nhà chồng ở phường Ngọc Hà, thanh phố Hà Giang. Hiện nay bà T2 đang sinh sống tại tổ 6, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Giang.

Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp do gia đình các bà đã bắt đầu sử dụng từ năm 1965, có nguồn gốc là do bố mẹ các bà là ông NĐN và bà ĐTT5 từ Quốc Oai, Hà Tây (cũ) lên khai hoang. Bố các bà là người dẫn đoàn người lên khai hoang khu đất trên xã T. Thời điểm đó chính quyền xã cho phép khai hoang để sử dụng đất vào mục đích trồng cây nông nghiệp (mía, sắn, khoai, ngô…) và làm nhà ở. Khi mới lên khai hoang bố mẹ các bà chỉ làm nhà tạm, nhà gỗ lợp lá, sau này có điều kiện mới làm nhà ngói.

Quá trình sử dụng đất của gia đình các bà là liên tục từ thời bố mẹ các bà đến nay. Các bà và ông NPL1 (là người con cả của cụ N, cụ T5) lập gia đình và chuyển đi nơi khác sinh sống nên thống nhất để cho ông NPH2 là em út (người con thứ 5 của ông N, bà T5) và ông B khi đó vẫn ở cùng bố mẹ có trách nhiệm quản lý, sử dụng đất cùng bố mẹ. Đến năm 1987, ông H3 chuyển sang tỉnh Yên Bái sinh sống thì ông B là người trực tiếp cùng bố mẹ bà quản lý, sử dụng mảnh đất này cho đến nay. Quá trình sử dụng đất, ông B canh tác trồng cây nông

nghiệp liên tục, không bỏ hoang năm nào. Về diện tích đất hiện đang có tranh chấp các bà được biết diện tích khoảng 708m^2, hộ gia đình của bố mẹ các bà hay hộ ông B chưa được cấp GCNQSDĐ. Năm 2010, gia đình ông NSB đi làm thủ tục để xin cấp GCNQSDĐ mới phát hiện ra hộ gia đình ông C đã được cấp GCNQSDĐ từ trước. Bản thân ông C cũng không biết thửa đất hiện đang tranh chấp gia đình ông ấy đã được cấp bìa đỏ. Khi phát hiện ra sự việc này, ông B đã mời xã, huyện xuống làm việc. Qua xác minh thì cả xã và huyện đều công nhận do sơ suất nên cấp nhầm diện tích đất hiện nay đang tranh chấp vào GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông C. Quan điểm của các bà không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông C, nhất trí với đề nghị của ông B về việc yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ số B 844264 do UBND huyện Vị Xuyên cấp ngày 12/10/1992 mang tên ông T3.

Tại Bản tự khai và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NPL1 trình bày:

Ông là anh trai cả của ông B và là hàng xóm cũ của gia đình ông C. Từ khi sinh ra ông ở cùng gia đình gồm bố mẹ và 05 anh em tại thôn Bắc Cát (nay là thôn T), xã T, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, đến năm 1975 ông đi bộ đội, sau khi ra quân ông chuyển về Trường bổ túc của huyện Vị Xuyên và sinh sống ở thị trấn Vị Xuyên từ năm 1982 đến nay. Về nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp do gia đình ông đã khai phá, canh tác liên tục từ năm 1965 đến nay, không bỏ hoang năm nào, có nguồn gốc là do bố mẹ ông là ông NĐN và bà ĐTT5 từ Quốc Oai, Hà Tây (cũ) lên khai hoang. Thời điểm khai phá chính quyền địa phương cho phép các gia đình lên xây dựng vùng kinh tế mới được khai hoang để sử dụng đất vào mục đích trồng cây nông nghiệp (lạc, sắn, ngô…) và làm nhà ở. Bố ông là trưởng đoàn của các gia đình lên khai hoang. Quá trình sử dụng đất của gia đình ông là liên tục từ thời bố mẹ ông đến nay, có hàng xóm và địa phương đều biết và xác nhận việc sử dụng liên tục, không tranh chấp là đúng sự thật. Đất là của gia đình nên các anh em ông đều cùng bố mẹ canh tác, trồng cấy. Ông và 02 em gái là bà T2 và Bà T1 sau này lập gia đình thì ở riêng, không ở trên mảnh đất đó nữa. Năm 1987, do điều kiện khó khăn, con ông còn nhỏ nên ông đón bố ông xuống ở với gia đình riêng của ông ở thị trấn Vị Xuyên để hỗ trợ ông, còn mẹ ông vẫn ở với người em trai út là ông H3 và em gái là bà T2 ở T, Vị Xuyên còn ông B khi đó đã lập gia đình và ở riêng, nhà ông ở ngay gần đó, cách nhà bố mẹ ông 01 nhà. Bà T2 khi đó chưa lấy chồng thì vẫn ở nhà bố mẹ ông, nhưng do công tác ở xã Kim Thạch xa nhà nên chủ yếu sinh sống ở tập thể của trường học trong xã, do đó ở nhà chỉ có mẹ ông và ông H3 ở cùng nhau. Năm 1987, ông H3 chuyển sang tỉnh Yên Bái sinh sống thì chỉ còn mẹ ông ở nhà đó. Do tất cả các anh em đều không còn sinh sống trên mảnh đất đó nên tất cả các anh em ông thống nhất để ông B là người trực tiếp quản lý, sử dụng mảnh đất này từ năm 1987 cho đến nay. Quá trình sử dụng đất, ông B canh tác trồng cây nông nghiệp liên tục, không bỏ hoang năm nào. Tổng diện tích đất của bố mẹ ông khai phá là

bao nhiêu thì ông không rõ vì trước đây là chia theo nhân khẩu, gia đình ông có 07 người.

Thửa đất hiện đang tranh chấp có diện tích khoảng 708m^2, phía Tây giáp đường quốc lộ, phía Tây bắc giáp đất nhà ông C, phía Đông giáp bờ sông, phía Nam giáp đất ông B. Ông được biết diện tích cụ thể này là do năm 2010 ông B đi làm thủ tục chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất thổ cư thì mới phát hiện ra nhà ông C đã được UBND huyện cấp bìa đỏ. Quá trình xác minh của các ban ngành, đoàn thể thì xác định được diện tích tranh chấp cụ thể và đất này bị cấp nhầm vào bìa đỏ của nhà ông C.

Quan điểm ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì mảnh đất đó không thuộc quyền sử dụng của nhà ông C, cả xã và huyện đã kết luận đất tranh chấp hiện nay là của gia đình ông, do ông B là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Việc ông C cho rằng bố ông mượn đất của ông T3 (bố ông C) là không đúng, bố ông là trưởng đoàn khai hoang, dẫn dắt bà con lên xây dựng vùng kinh tế mới, lên khai hoang năm 1965. Sau đó 02 năm ông T3 mới lên, bố mẹ ông còn cho ông T3 ở nhờ nhà ông 01 năm, sau đó ông T3 mới xây dựng nhà. Ông T3 lên khai hoang sau ông N thì không thể có chuyện ông T3 lại có đất để cho ông N mượn được.

Tại Bản tự khai và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NPH2 trình bày:

Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 21 đang tranh chấp giữa ông C và ông B là của bố đẻ ông (ông NĐN) lên khai hoang, canh tác từ năm 1965. Đến năm 2009 bố ông mất và để lại cho anh trai ông là NSB sử dụng, canh tác từ đó đến nay. Quan điểm của ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/5/2021: Vị trí ranh giới đất do ông C xác định từ C1 đến C32 (Các điểm C1, C2, C3 đến C32 khép về C1 do ông C xác định gồm: Thửa 1 diện tích 2328,5m^2; thửa 2 diện tích 758,5m^2. Tổng diện tích 3.087m^2). Vị trí ranh giới thửa đất do ông NSB xác định từ B1 đến B29 khép về B1 (gồm: thửa 2 diện tích 758,5m^2; thửa 3 diện tích 2.943,5m^2; thửa 4 diện tích 18.2m^2; thửa 5 diện tích 43,4m^2; thửa 6 diện tích 104,3m^2; thửa 7 diện tích 484,6m^2. Tổng diện tích 4.352,5m^2). Phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 2 diện tích 758,5m^2 *(Có mảnh trích đo chi tiết kèm theo)*. Tình trạng tài sản, công trình trên đất tranh chấp: có khoảng 300 cây cà, 14 luống mía.

Kết quả định giá tài sản ngày 25/8/2022 xác định: Về đất tranh chấp 758,5m^2 x 4.300.000đồng = 3.261.000.000đồng; về tài sản trên đất gồm cây mía, ngô, cà có tổng giá trị là 5.948.000đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã quyết định:

Áp dụng Điều 26, Điều 34, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 32 Luật Tố tụng

hành chính; Điều 13 Luật Đất đai 1987; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông ĐNC về việc yêu cầu ông NSB, bà LTT trả diện tích đất 758,5m^2 tại thôn H, xã T, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

2. Hủy một phần GCNQSDĐ số B 844264 do UBND huyện Vị Xuyên cấp ngày 12/10/1992 mang tên ĐVT3 đối với diện tích đất 704,5m^2 (đã trừ đi phần diện tích 54m^2 nằm trong chỉ giới hành lang giao thông) thuộc một phần thửa đất số 38, tờ bản đồ số 21 (được đánh số hiệu tại các điểm B2 đến B5, C13 đến C18, điểm giao nhau giữa C18, C17 với chỉ giới hành lang giao thông đặt tên là G2 đến điểm giao nhau giữa B1, B2 với đường chỉ giới hành lang giao thông đặt tên là G1 tại mảnh trích đo địa chính số 08-2021 hệ tọa độ VN2000 khu đất tranh chấp thôn H, xã T, tờ số 161 của Văn phòng Đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang *(có mảnh trích đo kèm theo - BL 148, 148a)*.

Gia đình ông B có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 704,5m^2.

Gia đình ông C có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh diện tích đất tại GCNQSDĐ số B 844264 do UBND huyện Vị Xuyên cấp ngày 12/10/1992 mang tên ĐVT3 (đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 21).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2022, nguyên đơn là ông ĐNC kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn nhất trí với ý kiến của nguyên đơn.

Bị đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn nhất trí với ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông ĐNC, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang về nội dung;

sửa Bản án sơ thẩm nêu trên theo hướng hủy Kết luận trái thẩm quyền số 871/KL/UBND ngày 23/12/2013 của UBND huyện Vị Xuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự và ý kiến tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Ngày 05/10/2022, nguyên đơn là ông ĐNC có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt ông PĐK là người đại diện theo ủy quyền của ông C nhưng ông C đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo là UBND huyện Vị Xuyên đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông ĐNC, Hội đồng xét xử thấy:

Về nguồn gốc đất tranh chấp, nguyên đơn ông ĐNC cho rằng gia đình ông đã được UBND huyện Vị Xuyên cấp GCNQSDĐ từ năm 1992 theo Nghị định khoán 10 mang tên ĐVT3 (bố ông C) với tổng diện tích các thửa đất là 15.455m^2 tại thôn H, xã T, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, trong đó có thửa đất số 38, tờ bản đồ số 21 diện tích 2.200m^2. Khi ông T3 còn sống đã cho ông NĐN (bố ông B) mượn, nhưng không có văn bản cho mượn đất, không rõ thời gian cho mượn đất. Về quá trình quản lý, canh tác trên đất tranh chấp, nguyên đơn thừa nhận từ trước đến nay gia đình nguyên đơn không quản lý, sử dụng diện tích 758,5m^2 đất đang tranh chấp. Phía bị đơn cho rằng, năm 1965 gia đình bố bị đơn cùng 08 gia đình ở xã Tam Hiệp, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây (cũ) lên xây dựng kinh tế mới (đi khai hoang) tại thôn H, xã T. Trong số 08 gia đình không có gia đình ĐVT3 (bố ông C) do ông T3 lên khai hoang sau. Hộ ông NĐN (bố ông B) được HTX giao đất cho để ở và canh tác tại thôn H, xã T. Thời điểm đó lô đất phía bên kia mương nước là đất của gia đình ông C đang ở còn là bãi đất hoang dùng để chăn thả gia súc. Năm 1967, gia đình ông T3 quê ở Vĩnh Phúc di cư tự do lên Hà Giang xin vào HTX, được HTX chấp nhận và giao cho gia đình ông T3 lô đất phía bên kia mương nước giáp ranh với đất của bị đơn, ranh giới đất giữa hai bên là mương nước (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ).

Căn cứ lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2, Bà T1, ông Long, ông H3, bà Quyết trình bày, năm 1965 ông NĐN là trưởng đoàn lên khai hoang, dẫn dắt bà con lên xây dựng kinh tế mới, 02 năm ĐVT3 mới lên, vợ chồng ông N còn cho ông T3 ở nhờ nhà một năm, sau đó ông T3 mới xây

dựng nhà. Những lời khai này phù hợp với lời khai của những người làm chứng bà Sửu (BL 206-207), bà Tẩy (BL 209), ông Nghi (BL 210), ông Đác (BL 211) đều xác nhận năm 1965 khi lên khai hoang 10 hộ gia đình gồm các hộ ông Hòe, ông N, bà Tẩy (vợ ông Nuôi), ông Môn, ông Cẩm, ông Seng, ông Thực, ông Nhi, ông Trị thành lập HTX và được Nhà nước giao cho khu đất tại thôn Bắc Cáp (nay là thôn H) để trồng cây nông nghiệp (mía, sắn ...). Gia đình ông T3 là dân di cư tự do, năm 1967 mới lên xin gia nhập HTX và được HTX chấp nhận. Gia đình ông T3 được HTX phân cho lô đất hiện nay ông C đang ở cạnh lô đất nhà ông N, ranh giới giữa nhà ông T3 và nhà ông N là một mương nước chảy từ bên núi đá qua đường Quốc lộ Hà Giang - Đồng Văn chảy xuống sông, hiện nay vẫn tồn tại nhưng chỉ còn là rãnh nước. Ngoài ra ông Đác cũng xác nhận khi lên nhà ông T3 có xin ở nhờ nhà ông N khoảng 2-3 tháng.

Bên cạnh đó, căn cứ những người sống lâu năm, Trưởng thôn, Cán bộ địa chính xã T và nguyên Bí thư Chi bộ thôn H đều xác nhận diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông C và hộ ông B, gia đình ông B sử dụng từ năm 1965 đến nay, sử dụng liên tục không tranh chấp với ai, không bỏ hoang năm nào. Những người sinh sống lâu năm tại đây chưa bao giờ nghe hay nhìn thấy giấy tờ gì thể hiện việc ông T3 cho ông N mượn đất hiện đang tranh chấp để sử dụng. Đối với ông Lan Văn Viên sinh năm 1958 (BL 208) có xác nhận về diện tích đất tranh chấp tại thửa 38, ông được thấy ông T3 khai phá từ khoảng năm 1961, về diện tích và vị trí, ranh giới ông không nhớ chính xác, diện tích khoảng 2.200m^2 sử dụng vào mục đích trồng cây nông nghiệp là không có căn cứ, vì thời điểm năm 1961 ông Viên mới sinh được 03 tuổi nên không thể chứng kiến và xác định được nguồn gốc diện tích đất tranh chấp do ai khai phá.

Năm 1992 gia đình ĐVT3 được cấp GCNQSDĐ, khi đó trên thực tế gia đình ông N vẫn đang sử dụng đất ổn định diện tích đất 758,5m^2. Bên cạnh đó tại tờ bản đồ số 21, HTX H thể hiện thửa đất số 37 (diện tích 400m2), thửa 38 (diện tích 2.200m2) có tên cụ Đinh Văn Thủy (BL 158). Về hình thể thửa đất mang tên cụ Thủy là một dải đất liền tiếp giáp thửa đất số 39 mang tên Hùng (NPH2), nhưng trên thực tế giữa hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông C thuộc thửa đất số 38 và phần diện tích đất tranh chấp (gia đình ông B đang sử dụng) được ngăn cách bởi một rãnh (mương) nước, không liền thổ như hình thể trên tờ bản đồ số 21 (Mảnh trích đo địa chính số 08-2021 hệ tọa độ VN2000 khu đất tranh chấp thôn H (tại BL 148), Biên bản xác minh BL 59, Kết luận 871 - BL38). Đối chiếu hình thể trên bản đồ số 21 (thửa số 38) với thực địa (hiện trạng) không khớp nhau (phần diện tích đất ông C đang sử dụng xác định thuộc thửa số 38 và phần diện tích hiện đang tranh chấp do ông B đang sử dụng được ngăn cách bởi một rãnh nước). Như vậy, việc lập bản đồ giải thửa và việc kê khai cấp GCNQSDĐ của người sử dụng đất không chính xác.

Đối với việc nguyên đơn ông ĐNC cho rằng tại 02 quyển sổ có ghi nội dung nộp sản phẩm (năm 2003; năm 2006-2012). Tuy nhiên nội dung 02 quyển

sổ ghi chép nộp sản phẩm là quỹ thôn, không ghi rõ nộp tiền đối với diện tích thuộc thửa đất nào, không phải giấy hoặc biên lai nộp thuế hàng năm cho Nhà nước đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 01, nên không có cơ sở xem xét.

[2.2] Về diện tích thửa đất tranh chấp. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập, nhận thấy: Tổng diện tích đất tranh chấp theo kết quả đo đạc ngày 26/5/2021 xác định 758,5m^2 (trong đó có 54m^2 nằm trong chỉ giới hành lang giao thông) thuộc thửa 2 của mảnh trích đo địa chính số 08-2021 hệ tọa độ VN2000, khu đất tranh chấp thôn H xã T tờ số 161 (BL 148). Tại văn bản số 454/VPĐK-PTQĐ ngày 18/10/2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai Sở TN&MT tỉnh Hà Giang có nội dung thửa đất số 38, tờ bản đồ số 21 nằm trong GCNQSDĐ số B 844264 mang tên ĐVT3 do UBND huyện Vị Xuyên cấp ngày 12/10/1992 chưa được chỉnh lý trên bản đồ địa chính, giữa mảnh trích đo địa chính số 08-2021 và thửa đất số 38 tại GCNQSDĐ số B 844264 không cùng hệ tọa độ nên không thực hiện việc lồng ghép được. Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (UBND huyện Vị Xuyên) đều xác định phần diện tích đất tranh chấp thuộc phần diện tích thửa đất số 38 nằm trong GCNQSDĐ số B 844264 do UBND huyện Vị Xuyên cấp ngày 12/10/1992 mang tên ĐVT3. Do đó xác định diện tích đất tranh chấp 758,5m^2 là của bị đơn NSB, LTT thuộc một phần diện tích thửa đất số 38, tờ bản đồ số 21 nằm trong GCNQSDĐ số B 844264 do UBND huyện Vị Xuyên cấp ngày 12/10/1992. Xét thấy, mặc dù gia đình ông B chưa được cấp GCNQSDĐ, nhưng hộ cụ N, ông B đã khai phá, sử dụng đất từ năm 1965 đến nay, phù hợp với lời khai của những người làm chứng sống lâu năm cùng thôn với ông C và ông B. Tại thời điểm cấp GCNQSDĐ cơ quan chuyên môn xác định ranh giới đất chưa chính xác, không xác minh làm rõ diện tích đất gia đình ông B (cụ N) sử dụng nằm trong diện tích đất cụ Thủy (bố ông C) kê khai cấp GCNQSDĐ do ai khai phá, sử dụng và tình trạng thửa đất dẫn đến việc UBND huyện Vị Xuyên cấp GCNQSDĐ cho cụ Thủy không chính xác về diện tích, hiện trạng hình thể thửa đất nêu trên.

[3] Việc nguyên đơn ông ĐNC và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn (bà Hợp, bà Hiền, bà L) cho rằng toàn bộ diện tích đất tranh chấp nằm trong GCNQSDĐ số B 844264 do UBND huyện Vị Xuyên cấp ngày 12/10/1992 mang tên ĐVT3 là do ông T3 cho ông NĐN mượn từ khi ông T3 còn sống, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc ông T3 cho ông N mượn phần diện tích đất hiện đang tranh chấp. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy không có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp 758,5m^2 thuộc quyền sử dụng của gia đình ông ĐNC. Do đó, việc Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông ĐNC là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông ĐNC không có thêm tài liệu, chứng cứ mới, nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông C.

[4] Đối với yêu cầu của ông NSB về việc yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ số B 844264 do UBND huyện Vị Xuyên cấp ngày 12/10/1992 mang tên ĐVT3. Xét thấy: Yêu cầu của ông B về việc yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ số B 844264 ngày 12/10/1992 do UBND huyện Vị Xuyên cấp mang tên ĐVT3 không phải là yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn, không thuộc các trường hợp phản tố quy định tại Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên như đã nhận định trên: Diện tích đất tranh chấp theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ là 758,5m^2 (trong đó có 54m^2 nằm trong chỉ giới hành lang giao thông) thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ giải thửa số 21 cụ Đinh Văn Thủy được cấp GCNQSDĐ đối với thửa số 38 có diện tích đất 2.200m^2 thực tế gia đình cụ N, ông B quản lý và sử dụng từ năm 1965 đến nay, do tại thời điểm cấp GCNQSDĐ cơ quan chuyên môn xác định ranh giới đất chưa chính xác, không xác minh làm rõ diện tích đất gia đình ông B (cụ N) sử dụng nằm trong diện tích đất cụ Thủy (bố ông C) kê khai cấp GCNQSDĐ do ai khai phá, sử dụng và tình trạng thửa đất dẫn đến việc UBND huyện Vị Xuyên cấp GCNQSDĐ cho cụ Thủy không chính xác về diện tích, hiện trạng hình thể thửa đất, là chưa đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không đảm bảo lẽ công bằng đối với người đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất. UBND huyện Vị Xuyên cũng xác nhận việc cấp GCNQSDĐ số B 844264 ngày 12/10/1992 cho ĐVT3 là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự cần hủy một phần GCNQSDĐ số B 844264 do UBND huyện Vị Xuyên cấp ngày 12/10/1992 mang tên ĐVT3 đối với phần diện tích đất gia đình ông B đang quản lý, sử dụng là 758,5m^2 (trừ đi phần diện tích nằm trong chỉ giới hành lang giao thông 54m^2) thuộc một phần thửa số 38, tờ bản đồ giải thửa số 21 (vị trí tại thửa 2 của mảnh trích đo địa chính số 08-2021 hệ tọa độ VN2000, khu đất tranh chấp thôn H xã T tờ số 161 - BL148, 148a). Gia đình ông B có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 758,5m^2 (trừ đi phần diện tích 54,m^2 nằm trong hành lang giao thông). Gia đình ông C có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh diện tích đất tại GCNQSDĐ số B 844264 do UBND huyện Vị Xuyên cấp ngày 12/10/1992 mang tên ĐVT3 (đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 21) theo đúng diện tích, hiện trạng.

[5] Đối với Kết luận số 871/KL/UBND ngày 23/12/2013 của UBND huyện Vị Xuyên. Xét thấy tại thời điểm ông B có đơn đề nghị, diện tích đất tranh chấp nêu trên đã được cấp GCNQSDĐ cho ĐVT3. Do đó, việc UBND huyện Vị Xuyên giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông B với ông C và ban hành Kết luận số 871 là không đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Luật đất đai 2003 như phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, UBND huyện Vị Xuyên cũng đã đề nghị Tòa án tuyên hủy phần diện tích đất 704,5m^2 nằm trên một phần số 38, tờ bản đồ số 21 đã cấp GCNQSDĐ cho ĐVT3 và Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên hủy một phần GCNQSDĐ số B 844264 do UBND huyện Vị Xuyên cấp ngày 12/10/1992 mang

tên ĐVT3 đối với diện tích đất 704,5m^2 (đã trừ đi phần diện tích 54m^2 nằm trong chỉ giới hành lang giao thông) thuộc một phần thửa đất số 38, tờ bản đồ số 21 nên thấy không cần thiết phải tuyên hủy Kết luận số 871 nêu trên cũng vẫn đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Do đó cần giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của ông C không được chấp nhận nên ông C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên ông C là người cao tuổi, tại phiên tòa xin được miễn án phí, vì vậy cần miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông C theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông ĐNC. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

[2] Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông C. Hoàn lại số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000101 ngày 12/10/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Minh